

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2020/DS-ST

Ngày: 13-11-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự về
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Tím

Bà Nguyễn Thị Anh Đào

- Thư ký phiên tòa: bà Tiết Thị Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 67/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Cô Thị Mỹ Ph, sinh năm 1975. Địa chỉ khóm 1, thị trấn ĐA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cô Thị Mỹ Ph: Bà Lê Thụy Thanh S, sinh năm 1980. Địa chỉ ấp VBT, xã ĐAn, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2020), có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Thái H, sinh năm 1956. Địa chỉ ấp GG, xã ĐA, huyện TrC tỉnh Trà Vinh

Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1960. Địa chỉ ấp Gi Gi, xã ĐA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh

Chị Lê Thị V (tên gọi khác: Lê Thị Ng); sinh năm 1980. Địa chỉ ấp X X xã NgX, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thái H, bà Nguyễn Thị Nh và chị Lê Thị V: anh Đỗ Hiếu Ngh; sinh năm 1978. Địa chỉ ấp 10, xã HH, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2020), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đồ Văn U, sinh năm 1963. Địa chỉ khóm 1, thị trấn Đ A, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh. *Người đại diện theo ủy quyền của ông Đồ Văn U: Bà Lê Thụy Thanh S, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp VBTr, xã ĐA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2020), có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2020 của nguyên đơn bà Cô Thị Mỹ Ph và tại phiên tòa đại diện cho bà Ph là bà Lê Thụy Thanh S trình bày: Vào khoảng đầu năm 2016 vợ chồng ông H, bà Nh cùng con ruột là chị Ngọc có đến gặp bà Ph, ông U thỏa thuận mua thức ăn nuôi cá lóc, hai bên chỉ hợp đồng bằng miệng. Sau khi thỏa thuận về việc đầu tư thức ăn cho gia đình ông H, bà Nh, chị Ngọc thì bà Ph bắt đầu giao thức ăn cho gia đình ông H, bà Nh, chị Ngọc. Hình thức giao thức ăn nhiều lần trong đó có nhiều người ký nhận trong sổ thức ăn gồm có: Châu Văn Đ, Lê Thị Gi, Ph, Lê Thị Ng (Lê Thị V), Nguyễn Thanh T, Ph, Kim Thanh Ph, Nguyễn Thị Nh, Lê Thái H. Trong đó có tên Ph, T, Kim Thanh Ph ký tên trong sổ giao thức ăn là không biết quan hệ như thế nào với ông H do ông Vy Văn Th (tên gọi khác: B) biết vì ông Th là người đi giao thức ăn cho bà Ph, còn lại đều là người trong gia đình ông H ký tên. Từ lúc hợp đồng mua thức ăn đến ngày 26/5/2018 thì gia đình ông H, bà Nh, chị Ngọc còn nợ tiền thức ăn bà Ph số tiền 1.464.351.000 đồng, gia đình ông H, bà Nh, chị Ngọc đã bán cá tổng cộng được 02 lần và trả được số tiền 873.138.000 đồng, đồng thời bên ông H, bà Nh, chị Ng có trả lại 29 bao thức ăn dư trị giá 15.950.000 đồng cho bên bà Ph và sau khi bà Ph bớt tiền phẩm và bù giá cá 23.534.000 đồng thì kết sổ lại ông H, bà Nh, chị Ng còn nợ bà Ph tổng cộng 551.729.000 đồng, ông H ký tên chốt sổ và nhận nợ, bà Ph có đến gia đình ông H, bà Nh, chị Ng yêu cầu trả số tiền thức ăn còn thiếu nhưng gia đình ông H, bà Nh, chị Ng hứa mà không trả. Đại diện cho bà Ph, ông U bà Lê Thụy Thanh S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Ng có trách nhiệm liên đới với ông H, bà Nh trả tiền thức ăn còn thiếu cho bà Ph, ông U tổng cộng bằng 551.729.000 đồng; bà Ph, ông U không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 27/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Thái H, bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Vào năm 2010 vợ chồng ông U có đến nhà vợ chồng ông, bà kêu mua thức ăn cá lóc và nhờ vợ chồng ông, bà giới thiệu thêm người khác mua, do bà Ph ông U mới ra bán thức ăn chưa có khách hàng nhiều, vì chỗ quen biết nên ông, bà ngưng mua thức ăn ở đại lý Minh Đức mà sang mua thức ăn của bà Ph ông U. Thời gian đầu ông, bà nuôi cá tại nhà ở ấp GiGi, xã ĐA, huyện Tr C gần nhà mỗi vụ nuôi ông, bà đều thanh toán đầy đủ tiền thức ăn cho bà Ph ông U. Đến năm 2015 ông, bà thuê đất nuôi cá lóc ở ấp Cầu Hanh. Trong thời gian nuôi cá lóc tại đây bị người ta thuốc chết hết nên ông, bà bị thua lỗ vì vậy còn thiếu tiền thức ăn của bà Ph ông U, đến năm 2016 thì ông, bà không thuê đất ở ấp Cầu Hanh nữa mà nuôi ở gần cầu Bông

Sen trên đất của con và bà Ph ông U vẫn tiếp tục đầu tư thức ăn cho ông, bà nhưng do giá cá thời điểm thị trường thấp, liên tiếp mấy vụ cá đều bị thua lỗ và bà Ph cứ hối thúc ông, bà bán cá để trả tiền thức ăn cho bà Ph nên ông, bà bán bị lỗ cũng phải bán để trả tiền cho bà Ph nhưng vẫn còn thiếu bà Ph số tiền 551.729.000 đồng. Bị đơn ông Lê Thái H, bà Nguyễn Thị Nh khẳng định việc thỏa thuận mua thức ăn giữa ông, bà và vợ cH bà Ph ông U không liên quan đến chị Lê Thị Ng; ông bà nuôi cá lóc là tự ông, bà nuôi, chị Lê Thị Ng có gia đình riêng tư không có tham gia cũng không có hợp đồng mua thức ăn với bà Ph, chị Ng chỉ ký nhận thức ăn dùm khi ông, bà bận công việc (do bà Ph giao tại nhà của Ngọc). Ngoài ra, ông, bà có mượn nhiều người ký nhận thức ăn dùm nên có tên theo sổ bà Ph cung cấp.

Tại bản tự khai ngày 27/7/2020 bị đơn chị Lê Thị V trình bày: Chị là con ruột của ông Lê Thái H, bà Nguyễn Thị Nh nên chị biết cha, mẹ chị có mua thức ăn của bà Ph. Do nhà cha mẹ chị ở xa nên khi bà Ph giao thức ăn là giao tại nhà chị, cha mẹ chị có mượn chị ký nhận thức ăn dùm mỗi khi người làm thuê cho bà Ph đến giao, không phải chỉ mình chị ký nhận thức ăn mà có rất nhiều người cùng ký nhận dùm. Việc cha mẹ chị và bà Ph thỏa thuận mua thức ăn như thế nào chị không rõ nên việc bà Sương trình bày chị có đến nhà bà Ph để thỏa thuận mua thức ăn là hoàn toàn không có vì chị chưa từng đến nhà bà Ph, cũng không biết mặt bà Ph ra sao và cũng không biết vị trí nhà bà Ph ở đâu, bà Sương cho rằng chị có điện thoại cho bà Ph mỗi lần bán cá và mua thức ăn là hoàn toàn không có, chỉ có 01 lần khoảng tháng 7 năm 2019 vào lúc 6 đến 8 giờ tối không biết bà Ph được số điện thoại của chị từ đâu mà điện thoại yêu cầu chị trả nợ tiền thiếu thức ăn cho bà Ph và chị có trả lời “con không có thiếu tiền Cô do cha mẹ con thiếu, Cô cứ điện thoại đòi cha mẹ con” nên chị tắt máy và cũng từ đó chị và bà Ph không có điện thoại gì nữa. Việc bà Ph cho rằng chị có hợp đồng mua thức ăn của bà Ph là không có, bà Ph làm đơn không đúng tên thật và địa chỉ của chị, vì vậy chị yêu cầu bà Ph rU lại yêu cầu khởi kiện chị, tuy Nh chị sẽ tác động cha mẹ chị có trách nhiệm trả nợ sớm cho bà Ph.

Tại phiên tòa, bà Lê Thụy Thanh S đại diện cho bà Ph, ông U vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà Nh, chị Ngọc phải trả tiền thức ăn còn thiếu tổng cộng 551.729.000 đồng cho bà Ph, ông U, đại diện cho bà Ph bà không yêu cầu tính lãi. Đối với những người ký nhận dùm như Châu Văn Đ, Lê Thị Gi, Ph, Nguyễn Thanh T, Ph, Kim Thanh Ph thì bà Ph không yêu cầu họ phải có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Người đại diện của bị đơn ông H, bà Nh và chị Lê Thị V là anh Đỗ Hiếu Ngh có lời khai thừa nhận là ông H, bà Nh còn nợ bà Ph ông U số tiền phẩm 551.729.000 đồng và đồng ý trả cho bà Ph ông U số tiền nói trên. Việc bà Ph chỉ dựa vào việc chị V ký nhận dùm thức ăn để yêu cầu chị V cùng trả nợ là không đúng; bởi vì, trong các sổ giao nhận thức ăn có rất nhiều người ký nhận không riêng chị V, bà Ph không có hợp đồng với chị V và khi chốt nợ chỉ có ông H ký nhận nợ, khi chốt sổ nợ thì chị V cũng không có ký nhận nợ. Bà Ph cho rằng chị V đến nhà bà Ph hợp đồng mua thức ăn nhưng khi chị V đề nghị được đổi chất thì bà Ph từ chối không tham gia đổi chất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 và 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án ông H, bà Nh thừa nhận có giao dịch mua thức ăn nuôi cá lóc của bà Ph từ năm 2016 với Ph thức giao nhận và thanh toán như người đại diện của bà Ph trình bày. Sau khi ông H, bà Nh bán cá đã trả cho bà Ph tiền thức ăn đã mua, sau khi chốt sổ còn nợ bằng 551.729.000 đồng và ông H, bà Nh đồng ý trả số tiền này là có cơ sở; bà Ph cho rằng chị V có hợp đồng mua thức ăn của bà Ph nhưng chị V không thừa nhận, theo quy định tại các Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bà Ph phải có nghĩa vụ chứng minh, nhưng bà Ph không có chứng cứ gì chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Ph đối với ông H, bà Nh là có căn cứ chấp nhận, còn yêu cầu khởi kiện của bà Ph đối với chị V là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các điều 430, 433, 436 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ph, buộc ông H, bà Nh hoàn trả cho bà Ph số tiền 551.729.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của bà Ph yêu cầu chị V liên đới trả nợ. Về án phí buộc các bên chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo bị đơn ông H, bà Nh có lời khai thừa nhận việc thỏa thuận mua thức ăn nuôi cá lóc của bà Ph, ông U diễn ra từ năm 2016, giữa các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói mà không có hợp đồng bằng văn bản, Ph thức giao thức ăn nuôi cá lóc do ông Vy Văn Th (tên gọi khác B) là người làm thuê cho bà Ph, ông U chở đem giao tại nhà của bên mua, địa điểm giao nhận theo các bên trình bày là tại nhà chị Lê Thị V. Khi nhận thức ăn do ông Th giao thì bên mua sẽ ký nhận vào sổ do bà Ph chuẩn bị trước, về Ph thức thanh toán là khi thu hoạch cá xong ông H, bà Nh sẽ thanh toán cho bà Ph bằng tiền mặt.

Theo các quyền sở do bà Ph cung cấp, nội dung có nhiều người ký nhận thức ăn do ông Thom giao như: Châu Văn Đạt, Lê Thị Giàu, Phượng, Lê Thị Ng (Lê Thị V), Nguyễn Thanh T, Ph, Kim Thanh Ph, Nguyễn Thị Nh, Lê Thái H. Sau khi ông H, bà Nh đã thanh toán cho bà Ph, ông U một phần tiền mua thức ăn, vào ngày 20/5/2018 khi chốt sổ thì ông H, bà Nh còn nợ bà Ph, ông U số tiền 551.729.000 đồng. Bị đơn ông H, bà Nh thừa nhận còn nợ bà Ph số tiền này và đồng ý hoàn trả. Giữa ông H, bà Nh với chị V không tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền và giữa ông H, bà Nh với bà Ph không có tranh chấp về số lượng, chủng loại, chất lượng hàng hóa.

[2] Bà Cô Thị Mỹ Ph yêu cầu bà Lê Thị V (Lê Thị Ng) có trách nhiệm liên đới cùng ông H, bà Nh hoàn trả số tiền 551.729.000 đồng, nhưng bà Ph và người đại diện của bà Ph không chứng minh được bà V có tham gia ký kết hợp đồng mua bán với bà

Ph cụ thể như thế nào, các sổ sách theo dõi giao nhận thức ăn đều do bên bà Ph ghi chép và quản lý. Theo các sổ sách bà Ph cung cấp đều ghi “A 3 H xồi xim”, trong các sổ giao nhận thức ăn bà Ph không có ghi nhận thông tin nào bà Ph bán thức ăn nuôi cá lóc cho chị V.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Vy Văn Th (B) ông Th cho rằng “bà Ph kêu ông chở thức ăn giao cho ông H và giao tại nhà cô Ng (V) mỗi lần giao thức ăn thì có nhiều người ký nhận như Châu Văn Đ, Lê Thị Gi, Ph, Nguyễn Thanh T, Ph, Kim Thanh Ph, Nguyễn Thị Nh, Lê Thái H chứ không riêng gì cô Ng ký, còn việc cô Ng có hùn nuôi cá với ai hay không thì ông không biết”. Như vậy, theo lời khai của ông Th thì bà Ph yêu cầu giao thức ăn cho ông H và địa điểm là tại nhà chị Ng chứ không phải giao thức ăn cho chị V, lời khai của ông Th là phù hợp với lời khai của ông H, bà Nh cho rằng chị V chỉ được ông H nhờ ký nhận thức ăn dùm.

[3] Theo tài liệu sổ sách do bà Ph cung cấp thể hiện bà Ph ghi ngày 10/6/2016 ông H còn nợ 210.000.000 đồng, ngày 12/8/2016 ông H còn nợ 245.000.000 đồng, ngày 13/7/2017 ông H nợ 695.478.000 đồng, ngày 20/02/2017 âm lịch ông H nợ 495.478.000 đồng, đến ngày 29/7/2017 ghi ông H nợ 575.487.000 đồng, ngày 13/12/2017 sang sổ ghi ông H nợ 616.223.000 đồng. Khi chốt sổ ngày 20/5/2018 bà Ph chỉ ghi ông H, bà Nh còn nợ số tiền 551.729.000 đồng, trong tất cả các lần chốt sổ bà Phụng và ông H đối chiếu nợ và ký xác nhận hoàn toàn các bên không ghi thông tin gì đến trách nhiệm của chị V. Quá trình giải quyết vụ án ông H, bà Nh xác nhận việc mua thức ăn nuôi cá lóc của bà Ph là do ông H, bà Nh mua chứ chị V không có mua và chị V cũng không có nuôi cá. Như vậy, bà Ph không có chứng cứ gì chứng minh chị V có xác lập hợp đồng mua bán với bà Ph, ông U. Việc bà Ph cho rằng chị V có ký nhận thức ăn dùm cho ông H, bà Nh trong sổ giao nhận như ông H trình bày để cho rằng chị V có thỏa thuận hợp đồng mua bán thức ăn với bà Ph là không có cơ sở, thực tế ngoài chị V ký nhận dùm còn có nhiều người khác ký nhận như: Châu Văn Đ, Lê Thị Gi, Ph, Nguyễn Thanh T, Ph, Kim Thanh Ph, Nguyễn Thị Nh, Lê Thái H. Do đó, bà Ph yêu cầu chị V có trách nhiệm liên đới cùng ông H, bà Nh trả nợ là không có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 288, 430, 435 và Điều 436 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Theo lời khai bà Ph, ông H, bà Nh thì thời gian thỏa thuận thanh toán tiền mua thức ăn nuôi cá lóc là sau khi kết thúc vụ nuôi. Tuy Nh, đến nay đã quá thời hạn thanh toán mà bên mua ông H, bà Nh không trả tiền cho bà Ph, ông U là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Do đó, bà Ph yêu cầu ông H, bà Nh có nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch. Tuy Nh, ông H, bà Nh là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho ông H, bà Nh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 92 và Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cô Thị Mỹ Ph ủy quyền cho bà Lê Thụy Thanh Sương yêu cầu ông Lê Thái H, bà Nguyễn Thị Nh và bà Lê Thị V (Lê Thị Ngọc) hoàn trả cho bà Ph số tiền còn nợ 551.729.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cô Thị Mỹ Ph ủy quyền cho bà Lê Thụy Thanh S yêu cầu chị Lê Thị V (Lê Thị Ng) có trách nhiệm liên đới cùng ông Lê Thái H, bà Nguyễn Thị Nh hoàn trả cho bà Cô Thị Mỹ Ph số tiền còn nợ 551.729.000 đồng nói trên.

Buộc ông Lê Thái H và bà Nguyễn Thị Nh có trách nhiệm trả cho bà Cô Thị Mỹ Ph và ông Đồ Văn U số tiền 551.729.000 đồng (Năm trăm năm mươi một triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Thái H và bà Nguyễn Thị Nh; bà Cô Thị Mỹ Ph, ông Đồ Văn U không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Cô Thị Mỹ Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.428.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009779 ngày 03/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ*****Nơi nhận:***

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Truyền

